

# 国際ベトナム語能力試験 模擬問題 **Web 版**

## KỶ THI NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT QUỐC TẾ

### **ĐỀ THI THAM KHẢO**

Web 版模擬問題は、個々の問題の例を提供するものです。完全な模擬試験問題と各レベルに関する資料を希望される方は、『国際越南語認證導論』をご購入下さい。

Đề thi trong bản tham khảo này chỉ là các mẫu loại hình đề thi, nếu muốn tìm hiểu về đề thi hoàn chỉnh và các thông tin liên quan đến Kỳ thi năng lực tiếng Việt quốc tế, hãy tìm mua cuốn “Hướng dẫn về Kỳ thi năng lực tiếng Việt quốc tế” .

個人利用にとどめて下さい。

公開を望まれる場合は、書面で許可を得て下さい。

**Chỉ dành cho cá nhân tham khảo.**

**Nếu không nhận được sự đồng ý bằng văn bản,  
thì không được phép sử dụng công khai.**

国際ベトナム語能力試験 KỶ THI NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT QUỐC TẾ

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH CÔNG**

**KỶ THI NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT QUỐC TẾ**

国立成功大学ベトナム研究センター国際ベトナム語能力試験

**ĐỀ THI MẪU** サンプル問題



**CẤP ĐỘ A** 初級レベル



**PHẦN I** NGHE HIỂU 聴解試験

- (a) NGHE VÀ CHỌN ĐÁP ÁN
- (b) XEM TRANH VÀ CHỌN ĐÁP ÁN
- (c) NGHE HIỂU HỘI THOẠI

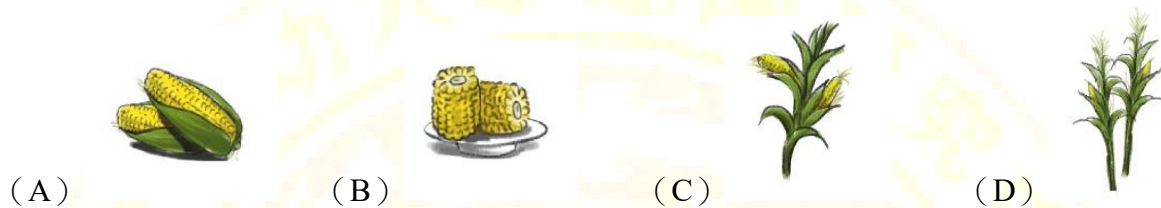
Phần thi này kéo dài khoảng 20 phút, tính thời gian ghi âm thực tế làm chuẩn. Mỗi câu hỏi đều có 4 lựa chọn để chọn ra 1 đáp án, mỗi câu 2,5 điểm, tổng cộng điểm thi là 50 điểm. Hãy dùng bút chì 2B tô lên vòng tròn của đáp án được chọn trên thẻ đáp án. Khi làm bài, thí sinh không được đánh dấu lên tờ đề thi hoặc thẻ đáp án, nếu muốn đánh dấu hãy dùng tờ giấy trắng được phát.

**※ Sau khi giám thị ra hiệu lệnh bắt đầu,  
thí sinh mới được lật sang trang sau để làm bài thi.**

**※ 監督者の合図の後、ページをめくって開始して下さい。**

(a) NGHE VÀ CHỌN ĐÁP ÁN

Câu 1:



(b) XEM TRANH VÀ CHỌN ĐÁP ÁN

Câu 1:



- (A) Cô gái buộc (cột) tóc.  
(C) Cậu bé đội mũ (nón).

- (B) Người đàn ông đang nói chuyện điện thoại.  
(D) Cậu bé cầm ô (dù).

(c) NGHE HIỂU HỘI THOẠI

**Hội thoại 1:**

**Câu 1:**

- (A) 7:00.                      (B) 7:20.                      (C) 7:40.                      (D) 8:00.

**Hội thoại 2:**

**Câu 2:**

- (A) Phía sau thư viện.                      (B) Phía đối diện cổng trường.  
(C) Phía sau nhà ăn.                      (D) Bên trong nhà ăn.

## PHẦN II ĐỌC HIỂU

(a) XEM TRANH CHỌN ĐÁP ÁN

(b) ĐIỀN TỪ VÀO CHỖ TRỐNG

(c) ĐỌC HIỂU

Phần thi này kéo dài 20 phút. Mỗi câu hỏi đều có 4 lựa chọn để chọn ra 1 đáp án, mỗi câu 2,5 điểm, tổng cộng điểm thi là 50 điểm. Hãy dùng bút chì 2B tô lên vòng tròn của đáp án được chọn trên thẻ đáp án. Khi làm bài, thí sinh không được đánh dấu lên tờ đề thi hoặc thẻ đáp án, nếu muốn đánh dấu hãy dùng tờ giấy trắng được phát.

※ Sau khi giám thị ra hiệu lệnh bắt đầu,  
thí sinh mới được lật sang trang sau để làm bài thi.

※ 監督者の合図の後、ページをめくって開始して下さい。

(a) XEM TRANH CHỌN ĐÁP ÁN

Câu 1:



Hỏi: Câu nào dưới đây phù hợp với nội dung bức tranh trên?

- (A) Cô giáo đang giảng bài.
- (B) Cô giáo đang cho học sinh nghe đĩa CD.
- (C) Học sinh đang chăm chú nghe giảng.
- (D) Cô giáo đang kể chuyện cười.

(b) ĐIỀN TỪ VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 1: Thủy ơi! Hôm qua, em và mẹ đi sở thú có thấy \_\_\_\_\_ đang dùng vòi để phun nước không?

- (A) Con khi
- (B) Con voi
- (C) Con gà trống
- (D) Con hươu cao cổ

(c) ĐỌC HIỂU

**Đoạn văn 1:**

Vinh rất thích ăn hoa quả. Sáng Chủ nhật, bạn ấy đi chợ cùng với mẹ. Vinh đợi mẹ mua xong thịt, cá, rau, rồi nắm tay mẹ đi đến sạp hoa quả. Bạn ấy nhìn thấy có rất nhiều ôi, roi (mận), xoài, chuối, đều là những loại hoa quả bạn ấy thích, nên xin mẹ mua cho.

**Câu 1: Hỏi Vinh xin mẹ mua cho cái gì?**

- (A) Rau.      (B) Cá.      (C) Roi (mận).      (D) Dưa hấu.